

# PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC SINH - MỘT NĂNG LỰC CỐT LÕI CỦA CÔNG DÂN THẾ KỈ XXI

TRẦN NGỌC LAN\* - HUỖNH THÁI LỘC\*\*

Ngày nhận bài: 27/04/2016; ngày sửa chữa: 29/04/2016; ngày duyệt đăng: 04/05/2016.

**Abstract:** Recently, the world in general and Vietnam in particular have seen the big changes in many areas, including education and training. The trend of the education today is changing towards developing learner's competences, in which self-study has been seen the most important change. The article mentions self-study capacity in term of theory and formation and development. Also, the article proposes solutions to develop self-study capacity for students- key competence of citizens in the 21<sup>st</sup> century in order to meet requirements of education reform and international integration.

**Keywords:** Self-study capacity, key competences.

**B**ước vào đầu thế kỉ XXI, quốc tế nói chung, Việt Nam nói riêng có những thay đổi hết sức mạnh mẽ về nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo, theo xu hướng chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực (NL). Vậy, NL là gì? Những NL nào cần được chú trọng rèn luyện và hình thành ngay từ cấp tiểu học? Bài viết này bàn về một số vấn đề về phát triển *năng lực tự học* (NLTH) của học sinh (HS) nói chung, bởi chúng tôi quan niệm đây là NL cốt lõi của những công dân thế kỉ XXI.

## 1. Một số vấn đề lí luận về NL và NLTH

**1.1. Khái niệm NL.** “NL là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân, phản ánh bởi cách làm việc có hiệu quả và có trách nhiệm, phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, trong những tình huống khác nhau, trên cơ sở có kiến thức, kĩ năng (KN), thái độ nhằm đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả tối ưu” [1; tr 215].

Theo quan niệm trên, một người được đánh giá là có NL về một lĩnh vực nào đó, nghĩa là, không chỉ có kiến thức, KN và thái độ mà phải biết vận dụng những kiến thức, KN, thái độ đó vào một hoạt động cụ thể, trong một điều kiện cụ thể để mang lại những giá trị tương ứng.

**1.2. Phân loại NL:** Có nhiều tiêu chí để phân loại. Nếu dựa vào nguồn gốc phát sinh có thể phân loại thành “NL tự nhiên” và “NL xã hội”. Nếu dựa vào mức độ phát triển cá nhân thì có “NL học tập”, “NL nghiên cứu (phát triển, mở rộng ý tưởng)”, “NL sáng tạo”. Còn theo GS Tâm lí học người Mĩ Howard Gardner, con người có 7 loại NL, tương đương với

7 loại trí tuệ khác nhau: 1) NL trí tuệ ngôn ngữ (NL diễn tả ngôn ngữ dễ dàng bằng nói hay viết); 2) NL trí tuệ logic - toán (NL tính toán phức tạp và lí luận sâu sắc); 3) NL trí tuệ không gian (khả năng tiếp nhận thế giới bằng thị giác - không gian, cho phép con người tưởng tượng ra các sự vật dưới các góc nhìn khác nhau); 4) NL trí tuệ hình thể - động năng (các yếu tố cơ bản giúp cơ thể vận động khéo léo); 5) NL trí tuệ âm nhạc (NL tạo ra sự thưởng thức nhịp điệu, cung bậc, âm sắc, biết thưởng thức các dạng biểu cảm âm nhạc); 6) NL trí tuệ giao tiếp (thể hiện ở khả năng hướng các hoạt động trí tuệ giao tiếp ra bên ngoài, trong mối quan hệ với người khác); 7) NL trí tuệ nội tâm (NL đánh giá cảm xúc cá nhân, sự phân biệt giữa cảm xúc và hành vi, hiểu những điểm mạnh và yếu của bản thân...). Sau này, vào năm 1999, ông bổ sung thêm NL thứ 8 là NL trí tuệ tự nhiên (khả năng nắm bắt, nhận dạng, nhạy cảm với các hiện tượng thiên nhiên).

Tất cả các cách phân loại trên chỉ mang tính tương đối vì giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhiều công trình nghiên cứu cũng chỉ ra rằng: các dạng NL không phát triển đồng đều ở mọi người, mà mỗi người có sự phát triển NL ở một lĩnh vực nào đó. Điều này càng nhấn mạnh tới tầm quan trọng của quá trình hình thành và phát triển các NL cá nhân.

## 2. Điều kiện để hình thành và phát triển NL

Theo các nhà Tâm lí học, để hình thành và phát triển một NL nào đó, phải có sự kết hợp hài hòa và phụ

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

\*\* Trường Cao đẳng Sư phạm Bến Tre

thuộc lẫn nhau của ba yếu tố: 1) Tư chất - điều kiện tự nhiên của NL; 2) Môi trường - điều kiện xã hội của NL; 3) Sự tự giác - yếu tố quyết định sự hình thành và phát triển NL.

*Phát triển NLTH của HS:* NLTH được hiểu là khả năng tự thực hiện một hệ thống các hành vi để nhận thức vấn đề, bao gồm: tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức trên cơ sở vận dụng các kinh nghiệm có liên quan đến hoạt động đó. Các nhà nghiên cứu đã phân chia hoạt động tự học (TH) thành nhiều cách khác nhau, trong đó, nhiều tác giả đồng ý rằng NLTH được hợp thành bởi bốn nhóm: NL nhận thức, NL thực hành, NL tổ chức, NL kiểm tra, đánh giá...

Theo các điều kiện phát triển NL mà các nhà Tâm lý học đã nêu thì mọi HS đều có đủ tư chất và điều kiện để phát triển các NL nói chung và NLTH nói riêng. Nhiệm vụ đặt ra đối với các nhà giáo dục là biết cách động lực để HS tự giác và có hứng thú TH. NLTH của HS có liên quan chặt chẽ với hứng thú học tập. Do đó, việc khơi nguồn hứng thú TH của HS có vai trò lớn lao của giáo viên (GV). NHTH là “chìa khóa” mở ra cho HS những “chân trời tri thức”, khiến các em có thể tự do thỏa mãn các nhu cầu khám phá thế giới, vì vậy, cần được xem là một NL cốt lõi mà mỗi GV phải chú trọng trong quá trình dạy học.

### **3. Một số biện pháp phát triển NLTH cho HS**

#### **3.1. Phát triển những NL chung làm nền tảng.**

Một trình độ tối thiểu của NL trí tuệ chung là cơ sở nền tảng cho việc giáo dục năng lực (GDNL) trí tuệ riêng biệt. Vì vậy, điều kiện tiên quyết để có thể phát triển NLTH cho HS là phát triển các NL chung cơ bản như: NL sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp, NL tư duy logic toán học, NL hợp tác và chia sẻ thông tin, NL giải quyết vấn đề... Các NL này sẽ tạo ra nền tảng ban đầu cho sự phát triển bền vững NLTH.

Quá trình phát triển các NLTT chung bao gồm: - GDNL phản ánh thế giới bên ngoài từ nhiều góc độ và bằng nhiều hình thức đa dạng. Những phản ánh này thường xuyên hoàn thiện nhờ TH; - GDNL vận dụng những thao tác trí tuệ để lựa chọn và xử lý thông tin, “chế biến” và sắp xếp chúng vào kho tàng nhận thức của cá nhân để sử dụng khi cần thiết; - GDNL giải quyết vấn đề một cách tự lập, đặc biệt là NL xây dựng chiến lược giải quyết vấn đề một cách hợp lý và độc đáo trên cơ sở xem xét các điều kiện khả thi và NL hiện thực hóa. Muốn vậy cần có khả năng dự kiến trước các hành động và kết quả hành động trong tương lai; - GDNL làm việc hiệu quả, tiết kiệm thời

gian; - GDNL cộng tác và chia sẻ thông tin. Mọi sáng tạo của con người trong thời đại ngày nay đều dựa vào kết quả của sự kế thừa, hợp tác lao động của nhiều người, do đó, hợp tác và chia sẻ là một trong những KN cần thiết cần rèn luyện cho HS, tránh tình trạng biến HS thành những cá thể sống ích kỷ, không chịu chia sẻ kiến thức, hiểu biết của mình và cô độc trong hành trình học tập luôn cần sự hợp tác, chia sẻ.

#### **3.2. Phát triển NLTH các môn học:**

- *Kích thích hứng thú học tập.* Việc kích thích hứng thú học tập cần dựa theo quy luật của tâm lý, tư duy. Quá trình TH diễn ra liên tục, có hệ thống với mức độ phù hợp sẽ khiến cho kiến thức của người học giàu lên nhanh chóng và vững chắc cho quá trình TH tiếp theo.

Ở mức độ cao, TH là quá trình tự thân người học hoạt động linh hoạt tri thức khoa học và rèn luyện KN thực hành không có sự hướng dẫn trực tiếp của GV và sự quản lý của cơ sở giáo dục. Người TH phải biết cách lựa chọn tài liệu tìm ra những điểm chính, điểm quan trọng trong các tài liệu đã đọc, đã nghe, biết cách ghi chép những điều cần thiết, biết viết tóm tắt, làm đề cương, biết cách lựa chọn từ điển và sách tham khảo, biết cách làm việc trong thư viện... Ngoài ra, TH còn thể hiện bằng cách tự lập các dự án chuyên môn, câu lạc bộ, các nhóm thực nghiệm, sáng tạo và các hoạt động ngoại khóa... TH là một hoạt động đòi hỏi phải có NL làm việc độc lập, tự chủ tự giác và kiên trì thì mới đạt kết quả mong muốn, do đó, TH gắn bó với quá trình tự giáo dục để có thể hình thành được những nét tính cách trên [2; tr 46].

Ở mức độ thấp hơn, nhưng có ý nghĩa rất quan trọng trong giai đoạn đầu hình thành NLTH đó là TH có hướng dẫn, có sự hỗ trợ của GV. Mỗi lời động viên khen ngợi hoặc phê phán với chứng cứ thuyết phục và nhân văn của GV có tác dụng to lớn, gợi hứng thú học tập của HS hơn bất cứ phương tiện dạy học hiện đại nào. Nhìn chung, việc tạo hứng thú cho HS không đơn giản là lời nhận xét khen - chê, mà quan trọng hơn là bằng sự đồng cảm, thấu hiểu và sẻ chia, độ lượng của GV...

- *Phát triển NL tư duy phản biện.* Quá trình TH dù cao hay thấp cũng không thể thiếu KN tự kiểm tra và tự đánh giá. Thông qua tự kiểm tra và tự đánh giá của cá nhân dưới sự giám sát, hỗ trợ của GV, người học tự phán xét các kết quả hoạt động của bản thân, từ đó điều chỉnh các hành vi, hoạt động theo những mục tiêu đã định hoặc theo những chuẩn mực quy ước.

Tự kiểm tra và tự đánh giá có ý nghĩa rất lớn đối với NLTH, bởi sẽ thúc đẩy NL phản biện của người học (tự đánh giá, phát hiện những đúng - sai của bản thân). Mặt khác, điều quan trọng của quá trình phản biện và đánh giá là phải có thái độ khách quan, trung thực với chính bản thân.

- *Trải nghiệm tình huống thực hành vận dụng tri thức.* Một thủ thuật sư phạm có giá trị giúp cho phát triển NLTH là không giành hết thời gian học tập của các em ở trường hoặc là hướng dẫn quá tỉ mỉ, mà cần tạo ra những tình huống học tập từ trải nghiệm thực tiễn cuộc sống để các em tự rút ra bài học. Có thể có nhiều cách giúp HS trải nghiệm như: trải nghiệm tìm tòi phát hiện kiến thức mới theo một cách khác có gợi ý của GV; trải nghiệm giải quyết nhiệm vụ cụ thể liên quan tới những kiến thức đã biết trong tình huống mới; trải nghiệm vai trò người hướng dẫn người khác học tập; hoặc trải nghiệm, phát hiện và sửa chữa lỗi sai thường gặp... Những trải nghiệm này sẽ mang lại màu sắc đặc biệt thú vị đối với HS đang khao khát tìm tòi và khẳng định bản thân [1; tr 143-146].

- *Quan hệ giữa NLTH với hoạt động phát hiện và tự sửa chữa sai lầm.* Một trong những biểu hiện quan trọng nhất của NLTH là biết tự rút ra bài học kinh nghiệm để tránh những sai lầm lặp lại. Vì vậy, người ta phải TH qua trải nghiệm, phát hiện và sửa chữa lỗi sai của người khác hoặc từ việc quan sát thực tiễn mà rút ra bài học cho bản thân, chứ không thể chờ bản thân trải qua sai lầm rồi mới học, như thế đôi khi là quá muộn” [1; tr 28-30].

Theo Phạm Ngọc Định: Những NL đã được phát hiện và bồi dưỡng ở cấp tiểu học phải là nền tảng cơ bản để tiếp tục phát triển ở các cấp học tiếp theo. Thật vậy, nếu những NL này không được định hướng để phát triển thì chúng sẽ nhanh chóng bị thui chột và tất cả sẽ lại phải quay về từ đầu. Vì thế, trong quá trình xây dựng chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015 rất cần sự đồng bộ và liên thông giữa các cấp học. Đó không chỉ là sự liên thông về mục tiêu, nội dung dạy học mà còn là sự chú trọng các mức độ phát triển NL tương xứng.

\* \* \*

Tóm lại, giáo dục ở thế kỉ XXI cần chú trọng hình thành và phát triển các dạng NL chung và NL chuyên biệt cho HS nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội hiện đại. NLTH cần được xem là NL cốt lõi của mỗi công dân, từng bước hoàn thiện các tri thức cơ bản, thì những

tri thức đó sẽ hữu ích cho cuộc sống đa dạng ngoài thực tiễn. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Ngọc Đại (2010). *Giáo dục tiểu học đầu thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Hoàng Phê (chủ biên) (1997). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- [3] Jean - Marc. Denomme & Madelein Roy (2000). *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*. NXB Thanh niên.
- [4] Phạm Minh Hạc (2010). *Giáo dục tiểu học đầu thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5] Bùi Văn Huệ (chủ biên) (2008). *Giáo trình Tâm lí học*. NXB Đại học Sư phạm.

## Hình thành kĩ năng sư phạm...

(Tiếp theo trang 50)

bắt buộc và có những nội dung tự chọn (đảm bảo tính tự chủ cho các trường để đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục địa phương).

- *Các trường ĐHSP, CĐSP:* Trong CTĐT, đối với những môn học nghiệp vụ, cần giảm thời gian học lí thuyết, tăng thời gian thực hành, thực tế ở trường phổ thông; có quy định cụ thể đối với hoạt động thực hành, thực tế môn học ở trường phổ thông; cần xây dựng tốt mối quan hệ với các trường phổ thông trên địa bàn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để SV có môi trường thực hành tốt; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thực hành, rèn luyện NVSP của SV. Có chế độ khen thưởng, trách phạt, động viên, khuyến khích phù hợp đối với cán bộ, giảng viên, SV tiêu biểu trong hoạt động rèn luyện NVSP; chế độ tài chính phù hợp đối với GV phổ thông, giảng viên tham gia hướng dẫn thực hành.

- *Các trường phổ thông:* Cần xác định rõ việc tiếp nhận và hướng dẫn SV thực hành, thực tế, thực tập là trách nhiệm của mỗi nhà trường, mỗi GV. Vì vậy, cần tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ SV trong quá trình tham gia thực hành; lựa chọn đội ngũ GV hướng dẫn là những người có kinh nghiệm, uy tín, trách nhiệm. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2009). *Hướng dẫn áp dụng chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học vào đánh giá giáo viên*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Quang Uẩn (1987). *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên*. NXB Đại học Sư phạm.